TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Đại.

Ông Phạm Đức Hoàn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994. (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Làng , xã PM, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Thế C, sinh năm 1992. (Vắng mặt lần thứ hai)

Nơi cư trú: Làng C, xã PM, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị trình bày: Chị và anh Lê Thế C chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2014, nhưng đến ngày 12/6/2014 chị và anh C mới đến Uỷ ban nhân dân xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, nên chị chỉ cung cấp được bản sao trích lục kết hôn cho Tòa án. Việc kết hôn giữa chị và anh Cần là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thế C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Lê Thế C có một con chung là Lê Thị Yến N, sinh ngày 12/11/2014. Hiện nay cháu N đang do anh C và ông, bà Nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Lê Thế C có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh C thì không gặp được anh C, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Lương Thị là mẹ đẻ của anh C, bà H trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh gia đình bà có biết và đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T, anh C có 01 con chung là Lê Thị Yến N, sinh ngày 12/11/2014. Hiện nay cháu N đang do anh Cần và gia đình bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo nội dung văn bản liên quan đến việc chị T khởi kiện ly hôn cho anh C biết, nhưng do anh C phải đi làm ăn xa nên không thể về để giải quyết việc ly hôn với chị T được. Anh C có nhờ bà H trao đổi lại với Tòa án là anh C đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh C đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nhi và tự nguyện không yêu cầu chị Tuyên cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung của vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án xét thấy việc anh Lê Thế C vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị Tuyên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Chị Tuyên có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên hoà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Thế C. Giao cháu Lê Thị Yến N cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí dân sự ly hôn theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T khởi kiện anh C, nơi cư trú: Làng C, xã PM, huyện NL, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh C không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh C là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc, không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh C đến làm việc, để anh C được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh C đều vắng mặt, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung và con đang ở với anh C. Xét đề nghị của chị T giao con cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với ý kiến của cháu N. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu N cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án, anh C đồng ý không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Thế C.

2. Về con chung: Giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 12/11/2014 cho đến khi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004232 ngày 26/3/2024. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh C. Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**